TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 565/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 04 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 437/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
Ông **N T P**, sinh năm 1974
Cư trú: 49/67 Đ, phường A, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Bà **V P T**, sinh năm 1984
Cư trú: Ấp 2 xã H, huyện C, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/5/2020 giữa ông N T P và bà V P T thể hiện nội dung mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ việc, cụ thể:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01 ngày 29/6/2007 do Ủy ban nhân dân phường A, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông N T P và bà V P T thể hiện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Ông P và bà T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 118 quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho N P T N, sinh ngày 19/8/2010 và giấy khai sinh số 119 quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho N P T N, sinh ngày 07/7/2015 đều thể hiện cha là ông N T P và mẹ là bà V P T. Nay ông P và bà T thống nhất thỏa thuận bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ T N, ông P cấp dưỡng

nuôi trẻ T N mỗi tháng là 3.000.000 đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 6/2020 cho đến khi trẻ trưởng thành. Ông P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ T N, bà T không cấp dưỡng nuôi trẻ T N.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, ông P và bà T phải nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông N T P và bà V P T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên N P T N, sinh ngày 19/8/2010 và N P T N, sinh ngày 07/7/2015. Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ T N, ông P cấp dưỡng nuôi trẻ T N mỗi tháng là 3.000.000 đồng bắt đầu thi hành từ tháng 6/2020 cho đến khi trẻ trưởng thành. Ông P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ T N, bà T không cấp dưỡng nuôi trẻ T N.

Ông N T P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên T N và bà V P T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên T N; Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, ông P và bà T nộp nhưng được cấn trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017877 ngày 17/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- UBND phường A, quận Bình Thạnh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà